

Số: **53** /2013/TT-BTNMT

Hà Nội, ngày **30** tháng **12** năm 2013

CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Số: 8
	Ngày: ... 15/1 / 2014

THÔNG TƯ

**Quy định tổ chức và hoạt động
của Hội đồng thẩm định đề án thăm dò khoáng sản**

Căn cứ Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09 tháng 03 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư quy định tổ chức và hoạt động của Hội đồng thẩm định đề án thăm dò khoáng sản.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định tổ chức và hoạt động của Hội đồng thẩm định đề án thăm dò khoáng sản quy định tại Khoản 3 Điều 36 Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản.

2. Đối tượng áp dụng của Thông tư này bao gồm: các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép thăm dò khoáng sản quy định tại Điều 82 Luật khoáng sản và các tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động thăm dò khoáng sản.

Điều 2. Hội đồng thẩm định đề án thăm dò khoáng sản

1. Hội đồng thẩm định đề án thăm dò khoáng sản (sau đây gọi tắt là Hội đồng) là tổ chức tư vấn có nhiệm vụ xem xét, đánh giá tính pháp lý, nội dung kỹ thuật của các đề án thăm dò khoáng sản.

2. Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quyết định thành lập Hội đồng thẩm định đề án thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường theo đề xuất nhân sự của Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.

Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quyết định thành lập Hội đồng thẩm định đề án thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo đề xuất nhân sự của Sở Tài nguyên và Môi trường.

3. Cơ quan Thường trực Hội đồng

a) Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam là Cơ quan Thường trực Hội đồng đối với Hội đồng thẩm định đề án thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

b) Sở Tài nguyên và Môi trường là Cơ quan Thường trực Hội đồng đối với Hội đồng thẩm định đề án thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Điều 3. Cơ cấu, thành phần của Hội đồng

1. Thành phần Hội đồng gồm các cán bộ, công chức, lãnh đạo đang đảm nhận nhiệm vụ quản lý nhà nước về khoáng sản và các chuyên gia có trình độ chuyên môn trong lĩnh vực thăm dò khoáng sản.

Hội đồng gồm có Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các Ủy viên.

Đối với đề án thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường: Chủ tịch Hội đồng là 01 Lãnh đạo Bộ Tài nguyên và Môi trường; Phó Chủ tịch Hội đồng là Tổng Cục trưởng Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.

Đối với đề án thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: Chủ tịch Hội đồng là 01 Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Phó Chủ tịch Hội đồng là 01 Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường.

2. Số lượng, thành phần Ủy viên Hội đồng do Thủ trưởng cơ quan cấp phép thăm dò khoáng sản quyết định, nhưng trong Hội đồng phải có ít nhất 03 Ủy viên có trình độ chuyên môn sâu, có kinh nghiệm liên quan đến thăm dò khoáng sản. Số lượng Ủy viên Hội đồng tối thiểu là 09 người đối với Hội đồng thẩm định đề án thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường và 07 người đối với Hội đồng thẩm định đề án thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

3. Trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng có thể mời một số chuyên gia có trình độ, kinh nghiệm trong lĩnh vực thăm dò khoáng sản để tham vấn.

Điều 4. Trách nhiệm, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng

Ngoài trách nhiệm và quyền hạn của Ủy viên hội đồng quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 5 Thông tư này, Chủ tịch Hội đồng có trách nhiệm và quyền hạn sau đây:

1. Quyết định triệu tập phiên họp Hội đồng.
2. Điều hành phiên họp Hội đồng theo trình tự quy định tại Thông tư này.

3. Ủy quyền cho Phó Chủ tịch Hội đồng thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng trong trường hợp không tham dự được phiên họp Hội đồng.

4. Xử lý các ý kiến thảo luận tại phiên họp Hội đồng và kết luận phiên họp Hội đồng.

5. Chịu trách nhiệm về hoạt động của Hội đồng.

Điều 5. Trách nhiệm, quyền hạn của Phó Chủ tịch Hội đồng và Ủy viên Hội đồng

1. Trách nhiệm:

a) Tham gia phiên họp của Hội đồng. Trường hợp không thể tham dự phiên họp của Hội đồng, Ủy viên Hội đồng thông báo cho Chủ tịch Hội đồng hoặc Cơ quan Thường trực Hội đồng trước khi phiên họp tiến hành ít nhất 01 ngày làm việc;

b) Nghiên cứu các hồ sơ, tài liệu liên quan đến đề án thăm dò khoáng sản;

c) Nhận xét, đánh giá nội dung đề án thăm dò khoáng sản và chịu trách nhiệm về những ý kiến nhận xét, đánh giá của mình trước Hội đồng;

d) Tham gia các hoạt động khác có liên quan đến đề án thăm dò khoáng sản khi Hội đồng yêu cầu.

2. Quyền hạn:

a) Yêu cầu Cơ quan Thường trực Hội đồng cung cấp thông tin, tài liệu, số liệu và những vấn đề liên quan đến đề án thăm dò khoáng sản để nghiên cứu, phục vụ cho việc nhận xét, đánh giá đề án;

b) Đối thoại trực tiếp với các bên tham gia tại phiên họp Hội đồng; được bảo lưu trong biên bản những ý kiến của mình khác với kết luận của Chủ tịch Hội đồng.

3. Ngoài trách nhiệm và quyền hạn của Ủy viên hội đồng quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này, Phó Chủ tịch Hội đồng còn có trách nhiệm và quyền hạn như của Chủ tịch Hội đồng tại phiên họp của Hội đồng trong trường hợp được Chủ tịch Hội đồng ủy quyền khi Chủ tịch Hội đồng vắng mặt.

Điều 6. Trách nhiệm của Cơ quan Thường trực Hội đồng

1. Tổ chức kiểm tra, đánh giá tính phù hợp pháp luật và chất lượng kỹ thuật đề án thăm dò khoáng sản của tổ chức, cá nhân đã nộp theo hồ sơ đề nghị cấp phép thăm dò khoáng sản.

2. Lập danh sách và mời chuyên gia tham gia nhận xét, phản biện đề án thăm dò khoáng sản, trong đó, mỗi đề án thăm dò có ít nhất 2 bản nhận xét, phản biện của Ủy viên Hội đồng. Cung cấp hồ sơ, tài liệu và tạo điều kiện cho các Ủy viên Hội đồng, các chuyên gia nghiên cứu.

3. Tổ chức Hội nghị kỹ thuật để xem xét, đánh giá nội dung cơ sở tài liệu, thiết kế kỹ thuật đối với các đề án thăm dò khoáng sản phức tạp hoặc có các ý kiến trái chiều.

Thành phần tham gia Hội nghị kỹ thuật do Thủ trưởng Cơ quan Thường trực Hội đồng mời, bao gồm các chuyên gia có kinh nghiệm chuyên sâu trong lĩnh vực thăm dò khoáng sản và các chuyên gia tham gia nhận xét, phản biện đề án thăm dò khoáng sản.

4. Chuẩn bị các điều kiện cần thiết để các Ủy viên Hội đồng tham gia kiểm tra thực địa khi có yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng.

5. Đề xuất tổ chức phiên họp Hội đồng và báo cáo Chủ tịch Hội đồng các vấn đề liên quan đến phiên họp. Thông báo, chuyển tài liệu và mời Ủy viên Hội đồng, khách mời, Chủ đầu tư, Chủ nhiệm đề án tham gia phiên họp Hội đồng sau khi lịch họp Hội đồng đã được Chủ tịch Hội đồng phê duyệt.

6. Kiểm tra, đánh giá đề án thăm dò sau khi đã được chỉnh lý, bổ sung theo kết luận của Chủ tịch Hội đồng và các tài liệu liên quan khác để hoàn chỉnh thủ tục cấp giấy phép thăm dò khoáng sản.

7. Lập dự toán, thanh quyết toán các khoản chi phí hoạt động của Hội đồng theo quy định.

8. Lưu giữ, quản lý hồ sơ và tài liệu các phiên họp Hội đồng.

Điều 7. Nguyên tắc, chế độ làm việc của Hội đồng

1. Hội đồng làm việc theo nguyên tắc tập thể, thảo luận trực tiếp; nhận xét, đánh giá bằng hình thức viết phiếu; bảo lưu ý kiến.

2. Các Ủy viên Hội đồng làm việc theo chế độ kiêm nhiệm.

3. Phiên họp của Hội đồng do Chủ tịch Hội đồng quyết định.

Điều 8. Điều kiện tiến hành phiên họp Hội đồng

1. Có mặt Chủ tịch Hội đồng hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng được Chủ tịch Hội đồng uỷ quyền điều hành phiên họp trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng vắng mặt.

2. Có mặt ít nhất hai phần ba (2/3) số Ủy viên Hội đồng, trong đó, ít nhất có mặt 01 Ủy viên phản biện nhưng phải có đủ bản nhận xét, đánh giá đề án của Ủy viên phản biện vắng mặt.

3. Có Đề án thăm dò khoáng sản được thành lập phù hợp với quy định tại Thông tư số 16/2012/TT-BTNMT ngày 29 tháng 11 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản; hồ sơ xin cấp phép thăm dò khoáng sản đảm bảo đáp ứng đầy đủ theo quy định của pháp luật về khoáng sản; có nhận xét của Ủy viên phản biện.

4. Có đại diện tập thể tác giả đề án và đại diện tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản tham gia.

Điều 9. Trình tự, nội dung tiến hành phiên họp của Hội đồng

1. Thông qua nội dung, thành phần tham dự phiên họp.
2. Đại diện tập thể tác giả trình bày nội dung đề án thăm dò khoáng sản.
3. Đại diện Cơ quan Thường trực Hội đồng trình bày báo cáo tổng hợp kết quả kiểm tra, đánh giá đề án thăm dò khoáng sản và các ý kiến của chuyên gia phản biện. Trường hợp cần thiết Chủ tịch Hội đồng yêu cầu các chuyên gia phản biện trình bày bổ sung các nhận xét, đánh giá.
4. Các Ủy viên Hội đồng và đại biểu tham gia phiên họp Hội đồng nêu các vấn đề cần làm rõ để đại diện tập thể tác giả, đại diện Chủ đầu tư trả lời.
5. Các Ủy viên Hội đồng, các đại biểu tham dự phiên họp tiến hành thảo luận. Trường hợp cần thiết, sau khi thảo luận, Hội đồng tiến hành họp riêng để thống nhất kết luận phiên họp Hội đồng.
6. Các Ủy viên Hội đồng ghi ý kiến nhận xét, đánh giá vào phiếu.
7. Chủ tịch Hội đồng công bố kết luận của Hội đồng.
8. Đại diện Chủ đầu tư phát biểu ý kiến.
9. Chủ tịch Hội đồng tuyên bố kết thúc phiên họp.

Điều 10. Nội dung bản nhận xét, đánh giá đề án và phiếu nhận xét, đánh giá của Hội đồng

1. Bản nhận xét, đánh giá đề án của chuyên gia phản biện đề án bao gồm các nội dung sau: Đánh giá về căn cứ pháp lý, đối tượng khoáng sản thăm dò; cơ sở tài liệu địa chất khoáng sản cho lựa chọn diện tích thăm dò (các kết quả khảo sát, thu thập, tổng hợp tài liệu), tính hợp lý của phân chia nhóm mỏ, lựa chọn mạng lưới; thiết kế phương pháp kỹ thuật, khối lượng thăm dò; cơ sở lựa chọn chỉ tiêu, phương pháp tính trữ lượng và kết quả tính dự báo trữ lượng khoáng sản; tính hợp lý, khả thi về tổ chức thi công đề án, công tác bảo vệ môi trường và tài nguyên khoáng sản; đánh giá cơ sở và kết quả dự toán kinh phí thăm dò (theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 kèm theo Thông tư này).
2. Phiếu nhận xét, đánh giá đề án của Ủy viên Hội đồng bao gồm các nội dung sau: đánh giá tính pháp lý của đề án, đánh giá cơ sở tài liệu địa chất khoáng sản cho lựa chọn diện tích, mạng lưới, hệ phương pháp thăm dò; thiết kế phương pháp, khối lượng thăm dò; kết quả tính trữ lượng dự báo; tính hợp lý và khả thi tổ chức thi công đề án và dự toán kinh phí đề án (theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 kèm theo Thông tư này).

Điều 11. Kết luận của Hội đồng

1. Kết luận của Hội đồng phải nêu rõ những nội dung được và chưa được của đề án thăm dò khoáng sản; những nội dung cần bổ sung, chỉnh sửa; kết luận thông qua đề án hoặc thông qua đề án nhưng cần chỉnh sửa, bổ sung hoặc không thông qua đề án.

2. Kết luận của Hội đồng chỉ có giá trị khi được ít nhất hai phần ba (2/3) tổng số thành viên Hội đồng tham dự phiên họp đồng ý.

3. Trường hợp Hội đồng kết luận không thông qua đề án, Cơ quan Thường trực Hội đồng có trách nhiệm thông báo kết luận của Hội đồng và trả lại đề án cho tổ chức, cá nhân có hồ sơ thăm dò khoáng sản.

Điều 12. Hồ sơ của phiên họp Hội đồng

1. Biên bản phiên họp Hội đồng (có chữ ký, ghi rõ họ, tên của Chủ tịch Hội đồng và người ghi biên bản).

2. Bản báo cáo tóm tắt việc thẩm định đề án thăm dò khoáng sản.

3. Bản nhận xét, đánh giá của chuyên gia phản biện đề án thăm dò khoáng sản.

4. Phiếu nhận xét, đánh giá của các Ủy viên Hội đồng tham dự phiên họp.

5. Các tài liệu khác có liên quan đến đề án thăm dò khoáng sản.

Điều 13. Kinh phí hoạt động của Hội đồng

Kinh phí hoạt động của Hội đồng được trích từ nguồn thu tiền lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản và các nguồn thu khác theo quy định hiện hành. Định mức chi cho hoạt động của Hội đồng thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 14. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 02 năm 2014.

Điều 15. Điều khoản thi hành

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân liên quan kịp thời phản ánh về Bộ Tài nguyên và Môi trường để nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng CP;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Cục Kiểm tra văn bản-Bộ Tư pháp;
- Phòng CNTMVN-VCCI;
- Sở TNMT các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ, Công báo;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ TNMT;
- Lưu VP, PC, ĐCKS.

đi: 1e

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Linh Ngọc

Phụ lục 1

Mẫu bản nhận xét, đánh giá đề án thăm dò khoáng sản của chuyên gia phản biện

(Ban hành kèm theo Thông tư số 53 /2013/TT-BTNMT ngày 30 tháng 12 năm
2013 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20...

BẢN NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ ĐỀ ÁN THĂM DÒ KHOÁNG SẢN Đề án thăm dò:.....

1. Đơn vị lập đề án :
2. Chủ nhiệm đề án:
3. Chủ đầu tư:
4. Người đọc nhận xét:
5. Học vị, chức vụ:
6. Đơn vị công tác:
7. Nội dung nhận xét (*Bản nhận xét cần nêu ý kiến về các vấn đề sau*):
 - Nhận xét, đánh giá tính pháp lý của đề án thăm dò khoáng sản.
 - Nhận xét, đánh giá về cơ sở lựa chọn đối tượng, diện tích thăm dò; khối lượng, độ tin cậy tài liệu đã thu thập, tổng hợp, các tài liệu khảo sát phục vụ thiết kế đề án thăm dò khoáng sản.
 - Nhận xét đánh giá về thiết kế kỹ thuật đề án: cơ sở phân nhóm mỏ theo mức độ phức tạp; việc lựa chọn mạng lưới công trình thăm dò đối với đối tượng thăm dò, thiết kế tổ hợp các phương pháp (trắc địa, địa chất, địa vật lý, địa chất thủy văn - địa chất công trình...), khối lượng công trình thăm dò, công tác phân tích mẫu (lấy, gia công, phân tích và kiểm soát chất lượng phân tích mẫu).
 - Cơ sở và kết quả tính dự báo trữ lượng.
 - Sự phù hợp và tính đầy đủ thể hiện trong các bản vẽ thiết kế với nội dung đề án.
 - Tính hợp lý, khả thi về tổ chức thi công đề án: trình tự thi công, tổ chức thi công, các giải pháp bảo vệ môi trường, tài nguyên khoáng sản.
 - Những vấn đề tồn tại:
 - Kết luận, kiến nghị: Mức độ đáp ứng yêu cầu đề án thăm dò; Nội dung cần chỉnh sửa; Đề án đủ điều kiện thông qua hay không thông qua.

NGƯỜI NHẬN XÉT

(Ký tên)



Phụ lục 2

Mẫu Phiếu đánh giá, nhận xét của Ủy viên Hội đồng

(Ban hành kèm theo Thông tư số 33/2013/TT-BTNMT ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

**CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP THẨM DÒ
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH ĐỀ ÁN
THẨM DÒ KHOÁNG SẢN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm 20...

PHIẾU ĐÁNH GIÁ, NHẬN XÉT CỦA ỦY VIÊN HỘI ĐỒNG

1. Tên Đề án:

2. Chủ Đầu tư:

3. Đơn vị lập Đề án:

4. Họ và Tên Ủy viên Hội đồng:

5. Chức vụ, học vị:

6. Cơ quan công tác:

7. Phần nhận xét, đánh giá:

- Những ưu điểm: *(cơ sở pháp lý của đề án, cơ sở lựa chọn diện tích thăm dò; mức độ tài liệu phục vụ cho thiết kế thăm dò; lựa chọn mạng lưới công trình, hệ phương pháp, khối lượng; cơ sở và kết quả tính dự báo trữ lượng; tính hợp lý khả thi kế hoạch thi công đề án....).*

- Các thiếu sót, tồn tại:

- Kiến nghị chỉnh sửa, bổ sung đề án:

8. Đánh giá chung: Thông qua đề án

Thông qua có chỉnh sửa, bổ sung

Không thông qua

ỦY VIÊN HỘI ĐỒNG

(Ký tên)